

PHỤ LỤC 2

THỎA THUẬN GHI NHẬN VỀ CÁC QUY TẮC VÀ THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH VIỆC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Các Thành viên nhất trí nh- sau:

Điều 1

Phạm vi điều chỉnh và áp dụng

1. Các quy tắc và thủ tục của Thỏa thuận này phải đ- ợc áp dụng cho những tranh chấp đ- ợc đ- a ra theo các quy định về tham vấn và giải quyết tranh chấp của những hiệp định đ- ợc liệt kê trong Phụ lục 1 của Thỏa thuận này (trong Thỏa thuận này đ- ợc gọi là những “hiệp định có liên quan”). Những quy tắc và thủ tục của Thỏa thuận này cũng đ- ợc áp dụng cho việc tham vấn và giải quyết tranh chấp giữa các Thành viên về quyền và nghĩa vụ của họ theo các quy định của Hiệp định Thành lập Tổ chức Th- ơng mại Thế giới (trong Thỏa thuận này đ- ợc gọi là “Hiệp định WTO”) và của Thỏa thuận này đ- ợc xem xét riêng hoặc cùng với bất cứ hiệp định có liên quan nào khác.

2. Các quy tắc và thủ tục của Thỏa thuận này phải đ- ợc áp dụng với điều kiện phải tuân theo những quy tắc và thủ tục đặc biệt hoặc bổ sung về giải quyết tranh chấp đ- ợc ghi trong các hiệp định có liên quan đ- ợc nêu trong Phụ lục 2 của Thỏa thuận này. Trong chừng mực có sự khác nhau giữa những quy tắc và thủ tục của Thỏa thuận này và những quy tắc và thủ tục đặc biệt hoặc bổ sung trong Phụ lục 2, thì những quy tắc và thủ tục đặc biệt hoặc bổ sung trong Phụ lục 2 phải đ- ợc - u tiên áp dụng. Đối với những tranh chấp liên quan đến những quy tắc và thủ tục của hai hay nhiều hiệp định có liên quan, nếu có mâu thuẫn giữa những quy tắc và thủ tục đặc biệt hoặc bổ sung trong những hiệp định có liên quan đang đ- ợc xem xét đó, và khi các bên tranh chấp không thỏa thuận đ- ợc với nhau về các quy tắc và thủ tục trong vòng 20 ngày kể từ khi thành lập ban hội thẩm, thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc yêu cầu của 1 trong 2 bên, Chủ tịch của Cơ quan Giải quyết Tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 2 (trong Thỏa thuận này đ- ợc gọi là “DSB”), sau khi tham vấn với các bên tranh chấp phải quyết định những quy tắc và thủ tục nào phải tuân theo. Chủ tịch phải quyết định theo h- ớng dẫn của nguyên tắc là những quy tắc và thủ tục đặc biệt hoặc bổ sung cần phải đ- ợc sử dụng khi có thể, và những quy tắc và thủ tục đ- ợc nêu trong Thỏa thuận này cần đ- ợc sử dụng ở mức cần thiết để tránh xảy ra mâu thuẫn.

Điều 2

Quản lý

1. Cơ quan Giải quyết tranh chấp đ-ợc thành lập theo Thỏa thuận này để quản lý những quy tắc và thủ tục của Thỏa thuận này và các điều khoản về tham vấn và giải quyết tranh chấp của các hiệp định có liên quan, trừ khi trong hiệp định có liên quan có quy định khác. Theo đó, DSB phải có thẩm quyền thành lập ban hội thẩm, thông qua các Báo cáo của ban hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm, duy trì sự giám sát việc thực hiện các phán quyết và khuyến nghị, cho phép tạm hoãn việc thi hành những nh- ợng bộ và nghĩa vụ khác theo các hiệp định có liên quan. Đối với những tranh chấp phát sinh từ một hiệp định có liên quan, mà đó là Hiệp định Thương mại tự do của một số Thành viên, thuật ngữ “Thành viên” ở đây chỉ dùng để chỉ các bên của Hiệp định Thương mại tự do của một số Thành viên này. Khi DSB áp dụng những điều khoản giải quyết tranh chấp của một Hiệp định Thương mại tự do của một số Thành viên thì chỉ những Thành viên là các bên của Hiệp định này mới có thể tham gia vào việc quyết định hoặc những hoạt động của DSB liên quan tới tranh chấp đó.
2. DSB phải thông báo với các Hội đồng và Ủy ban có liên quan của WTO về bất kỳ những diễn biến nào của tranh chấp liên quan tới các quy định của những hiệp định có liên quan t- ơng ứng.
3. DSB phải họp khi cần thiết nhằm thực hiện các chức năng của mình trong thời hạn đ- ợc nêu ra trong Thỏa thuận này.
4. Khi những quy tắc và thủ tục của Thỏa thuận này quy định DSB phải ra quyết định, thì DSB phải ra quyết định này trên cơ sở đồng thuận.¹

Điều 3

Các quy định chung

1. Các Thành viên khẳng định việc tuân theo những nguyên tắc giải quyết tranh chấp từ tr- ớc đến nay đ- ợc áp dụng theo Điều XXII và XXIII của GATT 1947, và những quy tắc và thủ tục đ- ợc tiếp tục sửa đổi trong Thỏa thuận này.
2. Hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO là một nhân tố trung tâm trong việc tạo ra sự an toàn và khả năng dự đoán tr- ớc cho hệ thống th- ơng mại đa ph- ơng. Các Thành viên thừa nhận rằng hệ thống này ra đời nhằm bảo toàn các quyền và nghĩa vụ của các Thành viên theo các hiệp định có liên quan và nhằm làm rõ những điều khoản hiện hành của những hiệp định đó trên cơ sở phù hợp với các quy tắc tập quán giải

¹ DSB phải đ- ợc coi là đã quyết định đồng thuận về vấn đề đ- ợc đệ trình lên DSB để xem xét, nếu không có Thành viên nào tại cuộc họp của DSB quyết định về vấn đề này chính thức phản đối quyết định đã đ- ợc đề xuất.

thích công pháp quốc tế. Các khuyến nghị và phán quyết của DSB không đ- ợc làm tăng hoặc giảm các quyền và nghĩa vụ đ- ợc quy định trong các hiệp định có liên quan.

3. Việc giải quyết nhanh chóng tình huống, khi có một Thành viên cho rằng các lợi ích trực tiếp hay gián tiếp của mình có đ- ợc theo những hiệp định có liên quan đang bị xâm hại do những biện pháp của một Thành viên khác thực hiện, là vấn đề có ý nghĩa thiết yếu đối với việc thực hiện có hiệu quả chức năng của WTO và duy trì sự cân bằng thích hợp giữa các quyền và nghĩa vụ của các Thành viên.

4. Các khuyến nghị hay phán quyết của DSB đ- a ra phải nhằm đạt đ- ợc việc giải quyết thỏa đáng vấn đề đặt ra phù hợp với các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Thỏa thuận này và của các hiệp định có liên quan.

5. Tất cả các giải pháp cho các vấn đề chính thức đ- ợc nêu ra theo các quy định về tham vấn và giải quyết tranh chấp của các hiệp định có liên quan, bao gồm cả những quyết định của trọng tài, phải phải phù hợp với những hiệp định này và phải không đ- ợc triệt tiêu hay làm giảm những lợi ích mà bất cứ Thành viên nào có đ- ợc theo những hiệp định đó, hoặc không đ- ợc ngăn cản việc đạt đ- ợc bất cứ mục tiêu nào của những hiệp định này.

6. Những giải pháp đ- ợc các bên chấp thuận để giải quyết những vấn đề chính thức đ- ợc nêu ra theo những điều khoản về tham vấn và giải quyết tranh chấp của những hiệp định có liên quan phải đ- ợc thông báo cho DSB và những ủy ban, Hội đồng liên quan - nơi mà bất cứ Thành viên nào cũng có thể nêu ra quan điểm liên quan đến vấn đề đó.

7. Tr- ớc khi khởi kiện, Thành viên phải tự xem xét, đánh giá là liệu việc khiếu kiện theo những thủ tục này có kết quả không. Mục đích của cơ chế giải quyết tranh chấp là để đảm bảo có một giải pháp tích cực đối với vụ tranh chấp. Một giải pháp mà các bên tranh chấp có thể chấp nhận đ- ợc và phù hợp với các hiệp định có liên quan thì rõ ràng cần đ- ợc - u tiên. Nếu không đạt đ- ợc một giải pháp các bên tranh chấp cùng nhất trí, thì mục tiêu số một của cơ chế giải quyết tranh chấp th- ờng là bảo đảm việc rút lại những biện pháp có liên quan nếu những biện pháp này bị quyết định là không phù hợp với những quy định trong bất kỳ hiệp định có liên quan nào. Các quy định về bồi th- ờng chỉ nên đ- ợc sử dụng khi việc rút lại ngay lập tức các biện pháp trên là không thực tế và chỉ đ- ợc sử dụng nh- là một biện pháp tạm thời trong khi ch- a có việc rút lại biện pháp không phù hợp với hiệp định có liên quan. Biện pháp cuối cùng mà Thỏa thuận này quy định cho Thành viên đã khởi kiện theo các thủ tục giải quyết tranh chấp là khả năng đình chỉ việc áp dụng các nh- ợng bộ hay các nghĩa vụ khác theo các hiệp định có liên quan trên cơ sở có sự phân biệt đối xử đối với Thành viên khác với điều kiện đ- ợc DSB cho phép thực hiện những biện pháp nh- vậy.

8. Trong tr- ờng hợp có sự vi phạm các nghĩa vụ đ- ợc đảm nhận theo quy định của một hiệp định có liên quan, thì vụ kiện phải đ- ợc coi là có chứng cứ ban đầu rõ ràng về việc triệt tiêu hoặc xâm hại. Điều này có nghĩa là ở đây có nguyên tắc suy đoán là vi phạm các quy định đều có tác động tiêu cực tới các Thành viên khác là các bên của

hiệp định có liên quan, và trong trường hợp này thì vấn đề sẽ phải tùy thuộc vào việc biện luận, phản ứng lại của Thành viên bị kiện.

9. Những quy định của Thỏa thuận này không làm ph- ợng hại đến các quyền của các Thành viên muốn có việc giải thích theo thẩm quyền các điều khoản của hiệp định có liên quan thông qua việc ra quyết định theo Hiệp định WTO hoặc một hiệp định có liên quan là một Hiệp định Th- ợng mại tùy nghi của một số Thành viên.

10. Đ- ọc hiểu rằng yêu cầu hòa giải và việc sử dụng các thủ tục giải quyết tranh chấp không đ- ọc nhằm mục đích hoặc đ- ọc xem là những hành vi gây bất đồng và nếu có tranh chấp phát sinh, tất cả Thành viên phải tham gia một cách thiện chí vào những thủ tục này để nỗ lực giải quyết tranh chấp. Cũng đ- ọc hiểu là các đơn kiện và đơn kiện lại về những vấn đề khác nhau thì không nên gắn với nhau.

11. Thỏa thuận này chỉ đ- ọc áp dụng với những yêu cầu tham vấn mới theo các điều khoản tham vấn của các hiệp định có liên quan đ- ọc đ- a ra vào ngày hoặc sau ngày Hiệp định WTO có hiệu lực. Đối với các tranh chấp mà yêu cầu tham vấn theo GATT 1947 hoặc theo các hiệp định tr- ớc đây của các hiệp định có liên quan đ- ọc đ- a ra tr- ớc ngày Hiệp định WTO có hiệu lực, thì các quy tắc và thủ tục giải quyết tranh chấp t- ơng ứng có hiệu lực ngay tr- ớc ngày Hiệp định WTO có hiệu lực phải tiếp tục đ- ọc áp dụng.²

12. Mặc dù đã có quy định của khoản 11, nh- ng nếu một đơn kiện dựa trên bất kỳ một hiệp định có liên quan nào đ- ọc một Thành viên đang phát triển khởi kiện chống lại một Thành viên phát triển, thì bên nguyên đơn có quyền viện dẫn, nh- một biện pháp thay thế cho các quy định của Điều 4, 5, 6 và 12 của Thỏa thuận này, các điều khoản t- ơng ứng của Quyết định ngày 5 tháng t- năm 1966 (BISD 14S/18), trừ khi ban hội thẩm cho rằng thời hạn quy định trong khoản 7 của Quyết định đó không đủ để đ- a ra báo cáo của mình và khi có sự đồng ý của bên nguyên đơn thì thời hạn đó có thể đ- ọc kéo dài. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa các quy tắc và thủ tục của điều 4, 5, 6 và 12 của Thỏa thuận này và các quy tắc và thủ tục t- ơng ứng của Quyết định đó, thì các quy tắc và thủ tục của Quyết định phải đ- ọc - u tiên áp dụng.

Điều 4

Tham vấn

1. Các Thành viên khẳng định quyết tâm của mình nhằm tăng c- ờng và nâng cao hiệu quả của các thủ tục tham vấn đ- ọc các Thành viên sử dụng.

2. Mỗi Thành viên cam kết dành những cân nhắc thiện chí và tạo cơ hội thoả đáng cho việc tham vấn về bất kỳ ý kiến nào do một Thành viên khác đ- a ra có liên quan

² Khoản này cũng sẽ đ- ọc áp dụng cho các tranh chấp mà các báo cáo của ban hội thẩm ch- a đ- ọc thông qua hoặc ch- a đ- ọc thực hiện đầy đủ.

đến những biện pháp ảnh hưởng tới sự vận hành của bất cứ hiệp định có liên quan nào đã- ợc thực hiện trên lãnh thổ của Thành viên này.³

3. Nếu có yêu cầu tham vấn đã- ợc đưa ra theo quy định của hiệp định có liên quan, Thành viên đã- ợc yêu cầu, trừ khi có thỏa thuận khác, phải trả lời yêu cầu này trong vòng 10 ngày sau ngày nhận đã- ợc yêu cầu và phải tham gia vào tham vấn một cách thiện chí trong thời hạn không quá 30 ngày sau ngày nhận đã- ợc yêu cầu để cố gắng đạt đã- ợc giải pháp thỏa đáng cho các bên. Nếu Thành viên này không trả lời trong thời hạn 10 ngày sau ngày nhận đã- ợc yêu cầu, hoặc không tham gia tham vấn trong thời hạn không quá 30 ngày, hoặc sau một thời hạn khác đã- ợc các bên thỏa thuận kể từ ngày nhận đã- ợc yêu cầu, thì Thành viên đã yêu cầu tham vấn có thể trực tiếp yêu cầu thành lập ban hội thẩm.

4. Tất cả những yêu cầu tham vấn như vậy phải đã- ợc Thành viên yêu cầu tham vấn thông báo cho DSB và các Hội đồng và Ủy ban liên quan. Bất cứ yêu cầu tham vấn nào cũng phải đã- ợc đệ trình lên bằng văn bản và đưa ra lý do có yêu cầu, kể cả việc chỉ ra biện pháp có vấn đề và cơ sở pháp lý cho việc khiếu kiện.

5. Trong quá trình tham vấn theo quy định của một hiệp định có liên quan, trừ- ớc khi phải sử dụng đến biện pháp tiếp theo của Thỏa thuận này, các Thành viên cần phải phải cố gắng điều chỉnh vấn đề một cách thỏa đáng.

6. Quá trình tham vấn phải đã- ợc giữ bí mật, và không đã- ợc gây ph- ong hại đến các quyền của bất kỳ Thành viên nào trong bất kỳ một quy trình tố tụng tiếp theo nào.

7. Nếu tham vấn không giải quyết đã- ợc tranh chấp trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đã- ợc yêu cầu tham vấn, bên nguyên đơn có thể yêu cầu lập ban hội thẩm. Bên nguyên đơn có thể yêu cầu thành lập ban hội thẩm trong thời hạn 60 ngày nói trên nếu các bên tham vấn cùng cho rằng việc tham vấn đã không giải quyết đã- ợc tranh chấp.

8. Trong tr- ờng hợp khẩn cấp, kể cả những tr- ờng hợp có liên quan đến hàng dễ hỏng, các Thành viên phải tiến hành tham vấn trong khoảng thời gian không quá 10 ngày sau khi nhận đã- ợc yêu cầu. Nếu việc tham vấn đã không giải quyết đã- ợc tranh chấp trong thời hạn 20 ngày sau ngày nhận đã- ợc yêu cầu, bên nguyên đơn có thể yêu cầu thành lập ban hội thẩm.

9. Trong tr- ờng hợp khẩn cấp, kể cả tr- ờng hợp liên quan đến hàng hóa dễ hỏng, các bên có tranh chấp, ban hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm phải có mọi nỗ lực để đẩy nhanh quá trình giải quyết tranh chấp đến mức độ tối đa có thể.

10. Trong khi tham vấn, các Thành viên phải đặc biệt chú ý đến những vấn đề cụ thể và quyền lợi của các Thành viên là các n- ớc đang phát triển.

³ Nếu các quy định của bất kỳ hiệp định có liên quan nào về những biện pháp đã- ợc thực hiện bởi chính quyền địa ph- ong hay khu vực hoặc các cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi lãnh thổ của một Thành viên có quy định khác với những quy định nêu trong khoản này thì những quy định của hiệp định có liên quan đó phải đã- ợc ưu tiên áp dụng.

11. Khi một Thành viên ngoài các Thành viên tham vấn cho rằng họ có lợi ích thương mại đáng kể trong quá trình tham vấn đang được tiến hành phù hợp với khoản 1 Điều XXII của GATT 1994, khoản 1 Điều XXII của GATS, hoặc các điều khoản tương ứng trong các hiệp định có liên quan khác⁴ thì Thành viên này có thể thông báo cho các Thành viên tham vấn và DSB về nguyện vọng muốn được tham gia vào thủ tục tham vấn trong vòng 10 ngày sau ngày nhận được yêu cầu tham vấn theo Điều vừa nêu. Thành viên đó phải được tham gia vào việc tham vấn với điều kiện là Thành viên nhận được yêu cầu tham vấn đồng ý rằng yêu cầu về lợi ích đáng kể đó là có căn cứ. Trong trường hợp đó, các Thành viên phải thông báo cho DSB. Nếu yêu cầu tham gia vào việc tham vấn không được chấp nhận, thì Thành viên muốn tham gia này phải được tự do yêu cầu tham vấn theo khoản 1 Điều XXII hoặc khoản 1 Điều XXIII của GATT 1994, khoản 1 Điều XXII hoặc khoản 1 Điều XXIII của GATS, hoặc những điều khoản tương ứng trong các hiệp định có liên quan khác.

Điều 5

Môi giới, Hòa giải và Trung gian

1. Môi giới, hòa giải và trung gian là những thủ tục được tiến hành tự nguyện, nếu các bên tranh chấp đồng ý như vậy.
2. Việc môi giới, hòa giải và trung gian, và đặc biệt là quan điểm của các bên tranh chấp trong việc này phải được giữ bí mật và không làm phông hại đến quyền của bất cứ bên nào trong những bước tố tụng tiếp theo những thủ tục này.
3. Bất cứ bên tranh chấp nào đều có thể yêu cầu môi giới, hòa giải hoặc trung gian vào bất cứ lúc nào. Những thủ tục này có thể bắt đầu và chấm dứt vào bất kỳ thời điểm nào. Một khi những thủ tục này đã chấm dứt, bên nguyên đơn có thể yêu cầu thành lập ban hội thẩm.
4. Khi thủ tục môi giới, hòa giải hoặc trung gian được tiến hành trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn, bên nguyên đơn phải cho phép một thời hạn là 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn trước khi yêu cầu thành lập ban hội thẩm. Bên nguyên đơn có thể yêu cầu thành lập ban hội thẩm trong thời hạn 60

⁴ Các điều khoản tham vấn tương ứng trong các hiệp định có liên quan được liệt kê dưới đây:

Hiệp định về Nông nghiệp, Điều 19; Hiệp định về việc Áp dụng các Biện pháp Vệ sinh Động Thực vật, khoản 1 của Điều 11; Hiệp định về Hàng dệt và May mặc, khoản 4 của Điều 8; Hiệp định về các Hàng rào Kỹ thuật đối với Thương mại, khoản 1 của điều 14; Hiệp định về các Biện pháp Đầu tư liên quan đến Thương mại, Điều 8; Hiệp định về việc Thực thi Điều VI của GATT 1947, khoản 2 của Điều 19; Hiệp định về Giám định hàng hoá trước khi xếp hàng, Điều 7; Hiệp định về Quy tắc Xuất xứ, Điều 7; Hiệp định về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu, Điều 6; Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp Đối kháng, Điều 30; Hiệp định về Tự vệ, Điều 14; Hiệp định về những Khía cạnh liên quan đến Thương mại của Quyền Sở hữu Trí tuệ, Điều 64.1; và bất cứ điều khoản tham vấn nào tương ứng trong các Hiệp định Thương mại tùy nghi của một số Thành viên nhận được các cơ quan có thẩm quyền của mỗi hiệp định quyết định và nhận được thông báo cho DSB.

ngày này, nếu các bên có tranh chấp cùng cho rằng môi giới, hòa giải hoặc trung gian đã không thể giải quyết đ- ợc tranh chấp.

5. Nếu các bên tranh chấp đồng ý, thì thủ tục môi giới, hòa giải hoặc trung gian có thể đ- ợc tiếp tục ngay cả khi ban hội thẩm tiến hành tố tụng.

6. Tổng Giám đốc có thể, trên c- ơng vị công tác chính thức của mình, đ- a ra sáng kiến về việc mình phải làm ng- ời môi giới, ng- ời hòa giải hoặc trung gian nhằm giúp các Thành viên giải quyết tranh chấp.

Điều 6

Thành lập Ban hội thẩm

1. Nếu bên nguyên đơn có yêu cầu, một ban hội thẩm phải đ- ợc thành lập chậm nhất là tại cuộc họp của DSB tiếp theo cuộc họp mà tại đó yêu cầu này lần đầu tiên đ- ợc đ- a ra nh- một mục của ch- ơng trình nghị sự DSB, trừ khi tại cuộc họp đó DSB quyết định trên cơ sở đồng thuận không thành lập ban hội thẩm.⁵

2. Yêu cầu thành lập ban hội thẩm phải đ- ợc làm bằng văn bản. Văn bản yêu cầu này phải chỉ ra là việc tham vấn đã đ- ợc tiến hành không, xác định rõ các biện pháp cụ thể đang đ- ợc bàn cãi và cung cấp tóm tắt ngắn gọn về cơ sở pháp lý của đơn kiện đủ để trình bày các vấn đề một cách rõ ràng. Trong tr- ờng hợp bên nộp đơn yêu cầu thành lập ban hội thẩm với các điều kiện khác với các điều khoản tham chiếu chuẩn, thì văn bản yêu cầu này phải kèm theo bản đề xuất về các điều khoản tham chiếu đặc biệt.

Điều 7

Các điều khoản tham chiếu của Ban hội thẩm

1. Ban hội thẩm có các điều khoản tham chiếu sau đây, trừ khi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác trong vòng 20 ngày kể từ ngày thành lập ban hội thẩm.

“Xem xét, dưới ánh sáng của các điều khoản có liên quan (tên của (các) hiệp định có liên quan do các bên tranh chấp trích dẫn), vấn đề đ- ợc đ- a ra DSB bởi (tên của một bên) trong văn bản... và đ- a ra những ý kiến nhận xét, kết luận giúp DSB đ- a ra các khuyến nghị hoặc các phán quyết đ- ợc quy định trong (các) hiệp định có liên quan đó.”

2. Ban hội thẩm phải xử lý các điều khoản liên quan trong bất kỳ hiệp định có liên quan nào hoặc các hiệp định đ- ợc các bên tranh chấp dẫn chiếu tới.

⁵ Nếu bên nguyên đơn có yêu cầu, một cuộc họp DSB phải đ- ợc tổ chức với mục đích này trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận đ- ợc yêu cầu, với điều kiện là phải thông báo cuộc họp tr- ớc 10 ngày.

3. Khi thành lập ban hội thẩm, DSB có thể ủy quyền cho Chủ tịch DSB soạn thảo các điều khoản tham chiếu của ban hội thẩm với sự tham vấn với các bên tranh chấp nh- ng phải bảo đảm tuân theo khoản 1. Các điều khoản tham chiếu đ- ọc soạn thảo nh- vậy phải đ- ọc gửi tới tất cả các Thành viên. Nếu các điều khoản tham chiếu đ- ọc thoả thuận không phải là các điều khoản tham chiếu chuẩn, thì bất kỳ Thành viên nào cũng có thể nêu vấn đề liên quan đến các điều khoản đó với DSB.

Điều 8

Thành phần Ban hội thẩm

1. Ban hội thẩm phải đ- ọc cấu thành bởi những cá nhân thuộc tổ chức chính phủ và/hoặc phi chính phủ năng lực tốt, kể cả những ng- ời đã làm việc hoặc trình vụ kiện ra ban hội thẩm, làm đại diện của một Thành viên hoặc của một bên ký kết GATT 1947 hoặc đại diện tại Hội đồng hay Ủy ban của bất cứ hiệp định có liên quan nào hoặc hiệp định nào tr- ớc đó, hoặc đã từng làm việc trong Ban Th- ký, đã từng giảng dạy hoặc viết sách báo đ- ọc đăng về luật th- ơng mại quốc tế hoặc chính sách th- ơng mại quốc tế, hoặc đã từng là quan chức cao cấp về chính sách th- ơng mại của một Thành viên.

2. Các thành viên ban hội thẩm cần phải đ- ọc chọn lựa với mục đích bảo đảm sự độc lập của các hội thẩm viên, có kiến thức đa dạng ở mức đủ và có phạm vi kinh nghiệm công tác rộng.

3. Công dân của Thành viên⁶ là các bên tranh chấp hoặc là bên thứ 3 đ- ọc quy định ở khoản 2 của Điều 10 phải không đ- ọc tham gia vào ban hội thẩm có liên quan đến tranh chấp đó, trừ khi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác.

4. Để hỗ trợ cho việc lựa chọn các hội thẩm viên, Ban Th- ký phải duy trì một danh sách các cá nhân thuộc tổ chức chính phủ và phi chính phủ có những tiêu chuẩn đã đ- ọc nêu tại khoản 1, và từ danh sách này các thành viên ban hội thẩm có thể đ- ọc chỉ định một cách thích hợp. Danh sách đó phải bao gồm cả bảng phân công các hội thẩm phi chính phủ đ- ọc lập ngày 30 tháng 11 năm 1984 (BISD 31S/9), và những bảng phân công và danh sách đề cử khác đ- ọc lập theo bất cứ hiệp định có liên quan nào và phải giữ lại tên của những ng- ời trong các bảng phân công và danh sách đề cử này vào thời điểm Hiệp định WTO có hiệu lực. Các Thành viên có thể định kỳ đề xuất tên của các cá nhân thuộc các tổ chức chính phủ và phi chính phủ để đ- a vào danh sách đề cử, cung cấp các thông tin liên quan đến kiến thức của họ về th- ơng mại quốc tế, về những lĩnh vực hoặc nội dung của các hiệp định có liên quan, tên của những ng- ời này phải đ- ọc đ- a bổ sung vào danh sách sau khi có sự chấp thuận của DSB. Đối với mỗi cá nhân trong danh sách, danh sách phải chỉ rõ phạm vi kinh nghiệm hay chuyên môn cụ

⁶ Trong tr- ờng hợp liên minh thuế quan hoặc các thị tr- ờng chung là các bên trong tranh chấp thì quy định này phải áp dụng cho công dân của tất cả các n- ớc thuộc liên minh thuế quan hoặc các thị tr- ờng chung đó.

thể của mỗi cá nhân trong những lĩnh vực hoặc nội dung của các hiệp định có liên quan.

5. Ban hội thẩm phải gồm ba hội thẩm viên, trừ khi các bên tranh chấp đồng ý một ban hội thẩm gồm 5 hội thẩm viên trong vòng 10 ngày kể từ ngày thành lập ban hội thẩm. Các Thành viên phải nhanh chóng đ- ọc thông báo về thành phần của ban hội thẩm.

6. Ban Th- ký phải đề xuất việc bổ nhiệm ban hội thẩm với các bên có tranh chấp. Các bên tranh chấp phải không đ- ọc phản đối việc bổ nhiệm trừ khi có những lý do bắt buộc.

7. Nếu trong vòng 20 ngày sau ngày thành lập ban hội thẩm mà không có sự nhất trí về Thành viên ban hội thẩm, theo yêu cầu của bất cứ bên nào, Tổng Giám đốc sau khi tham vấn với Chủ tịch DSB và Chủ tịch của Hội đồng hay ủy ban liên quan phải quyết định thành phần ban hội thẩm bằng việc bổ nhiệm các hội thẩm từ những ng- ời mà Tổng Giám đốc coi là thích hợp nhất theo đúng bất kỳ quy tắc hoặc thủ tục đặc biệt hoặc bổ sung có liên quan nào của những hiệp định có liên quan đang đ- ọc áp dụng cho tranh chấp đó, sau khi tham vấn với các bên tranh chấp. Chủ tịch của DSB phải thông báo cho các Thành viên về thành phần ban hội thẩm đã đ- ọc thành lập nh- vậy không quá 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch nhận đ- ọc yêu cầu.

8. Các Thành viên phải cam kết, nh- một quy tắc chung, cho phép nhân viên của mình làm hội thẩm viên.

9. Các hội thẩm viên phải làm việc với t- cá nhân của mình và không phải là đại diện của chính phủ và cũng không phải là đại diện của một tổ chức nào. Vì thế các Thành viên phải không đ- ọc đ- a ra chỉ thị hay tìm cách gây ảnh h- ưởng đến họ với t- cách cá nhân về những vấn đề đ- ọc đ- a ra tr- ớc ban hội thẩm.

10. Khi một tranh chấp xảy ra giữa một Thành viên phát triển và một Thành viên đang phát triển, nếu có yêu cầu của Thành viên đang phát triển, thì ban hội thẩm phải có ít nhất một hội thẩm từ một Thành viên đang phát triển.

11. Các chi phí cho hội thẩm viên kể cả chi phí đi lại và ăn ở, phải thanh toán từ ngân sách của WTO theo mức đ- ọc Đại Hội đồng thông qua trên cơ sở các khuyến nghị của Ủy ban về các vấn đề Ngân sách, Tài chính và Quản trị.

Điều 9

Thủ tục đối với đơn kiện có nhiều nguyên đơn

1. Khi có hai hoặc nhiều Thành viên yêu cầu thành lập ban hội thẩm để giải quyết cùng một vấn đề thì một ban hội thẩm duy nhất có thể đ- ọc thành lập để xem xét những đơn kiện này có tính đến quyền của tất cả các Thành viên có liên quan. Một ban hội thẩm duy nhất cần phải đ- ọc thành lập để xem xét những đơn kiện nh- vậy bất kỳ khi nào khả thi.

2. Ban hội thẩm duy nhất này phải tiến hành việc xem xét và đệ trình ý kiến lên DSB theo cách các quyền mà đáng ra các bên tranh chấp đã được hưởng nếu thành lập các ban hội thẩm riêng lẻ để xem xét các đơn kiện không bị suy giảm. Nếu một trong các bên tranh chấp yêu cầu thì ban hội thẩm phải đệ trình các bản báo cáo riêng lẻ về tranh chấp có liên quan. Các văn bản đệ trình của mỗi nguyên đơn phải được sẵn có cho các nguyên đơn khác và mỗi nguyên đơn phải có quyền có mặt khi bất cứ một nguyên đơn nào khác trình bày quan điểm với ban hội thẩm.

3. Nếu có hai hoặc nhiều ban hội thẩm được thành lập để xem xét các đơn kiện liên quan đến cùng một vấn đề thì phải cố gắng tới mức cao nhất có thể để chọn cùng các hội thẩm viên chung cho các ban hội thẩm riêng lẻ và phải sắp xếp thời gian biểu cho thủ tục tố tụng của ban hội thẩm trong những tranh chấp này phải được hài hòa.

Điều 10

Các bên thứ ba

1. Quyền lợi của các bên tranh chấp và của các Thành viên khác theo một hiệp định có liên quan về nội dung tranh chấp phải được cân nhắc đầy đủ trong quá trình tố tụng tại ban hội thẩm.

2. Bất cứ Thành viên nào có quyền lợi đáng kể đối với một vấn đề được ban hội thẩm xem xét và đã thông báo quyền lợi của mình cho DSB (trong Thỏa thuận này gọi là “bên thứ ba”) đều phải có cơ hội được trình bày vấn đề cho ban hội thẩm và được trình văn bản cho ban hội thẩm. Những văn bản đệ trình này cũng phải được gửi cho các bên tranh chấp và phải được phản ánh trong bản báo cáo của ban hội thẩm.

3. Các bên thứ ba phải được nhận văn bản đệ trình của các bên tranh chấp cho phiên họp đầu tiên của ban hội thẩm.

4. Nếu một bên thứ ba cho rằng một biện pháp là đối tượng của việc giải quyết tại ban hội thẩm đã triệt tiêu hoặc làm ph-ong hại đến quyền lợi của bên đó theo bất cứ hiệp định có liên quan nào, thì Thành viên đó có thể sử dụng thủ tục giải quyết tranh chấp thông thường theo bản Thỏa thuận này. Tranh chấp nh- vậy phải được chuyển cho ban hội thẩm ban đầu mỗi khi có thể.

Điều 11

Chức năng của Ban hội thẩm

Chức năng của ban hội thẩm là giúp DSB làm tròn trách nhiệm theo Thỏa thuận này và các hiệp định có liên quan. Do đó, ban hội thẩm cần phải đánh giá một cách khách quan về các vấn đề đặt ra cho mình, gồm cả việc đánh giá khách quan các tình tiết của vụ việc và khả năng áp dụng và sự phù hợp với các hiệp định có liên quan, và đưa ra những nhận xét, kết luận khác có thể giúp DSB trong việc đưa ra các khuyến nghị hoặc các phán quyết được quy định trong các hiệp định có liên quan. Ban hội

thẩm cần phải điều đặn tham vấn với các bên tranh chấp và tạo cho họ những cơ hội thích hợp để đ- a ra một giải pháp thỏa đáng đối với cả hai bên.

Điều 12

Thủ tục của Ban hội thẩm

1. Ban hội thẩm tuân theo Các thủ tục làm việc ở Phụ lục 3 trừ khi ban hội thẩm quyết định khác sau khi tham vấn các bên tranh chấp.
2. Thủ tục làm việc của ban hội thẩm phải có sự linh hoạt đầy đủ để đảm bảo cho các báo cáo của ban hội thẩm có chất l- ượng cao mà lại không làm chậm quá trình tố tụng tại ban hội thẩm một cách không cần thiết.
3. Sau khi tham vấn với các bên tranh chấp, các hội thẩm viên, trong thời hạn càng sớm càng tốt và bất kỳ khi nào có thể trong vòng một tuần sau khi thành phần và các điều khoản tham chiếu của ban hội thẩm đã đ- ợc thông qua, phải ấn định thời gian biểu cho quá trình tố tụng tại ban hội thẩm, có tính đến các quy định của khoản 9 Điều 4 nếu có liên quan.
4. Trong khi xác định thời gian biểu cho quá trình tố tụng tại ban hội thẩm, ban hội thẩm phải tạo đủ thời gian cho các bên tranh chấp chuẩn bị các văn bản đệ trình của họ.
5. Ban hội thẩm phải định ra các thời hạn chính xác cho các bên đệ trình văn bản và các bên phải tôn trọng các thời hạn này.
6. Mỗi bên tranh chấp nộp l- u chiều các văn bản đệ trình của mình cho Ban Th- ký để Ban Th- ký chuyển ngay cho ban hội thẩm, các bên khác và các bên tranh chấp. Bên nguyên đơn phải đệ trình văn bản đầu tiên tr- ớc văn bản đệ trình đầu tiên của bên bị đơn trừ khi ban hội thẩm quyết định, khi xác định thời gian biểu nh- đ- ợc nêu tại khoản 3 sau khi tham vấn với các bên tranh chấp, rằng các bên phải đệ trình văn bản đầu tiên cùng một lúc. Khi đ- a ra lịch theo thứ tự tr- ớc sau cho việc nộp các bản đệ trình đầu tiên, ban hội thẩm phải xây dựng một khoảng thời gian chắc chắn cho việc tiếp nhận bản đệ trình của bên bị đơn. Bất cứ bản đệ trình nào bằng văn bản sau đó đều phải đ- ợc đệ trình đồng thời.
7. Khi các bên tranh chấp không tìm ra đ- ợc một giải pháp thỏa đáng cho cả hai bên, thì ban hội thẩm phải đệ trình bản ý kiến của mình d- ới dạng báo cáo bằng văn bản lên DSB. Trong tr- ờng hợp nh- vậy, bản báo cáo của ban hội thẩm phải đ- a ra các ý kiến về các tình tiết, về khả năng áp dụng các điều khoản liên quan và lý lẽ đằng sau bất cứ kết luận và khuyến nghị nào đ- ợc đ- a ra. Nếu có sự hoà giải giải quyết vấn đề giữa các bên tranh chấp, thì bản báo cáo của ban hội thẩm phải đ- ợc hạn chế ở mức mô tả ngắn gọn về vụ việc này và báo cáo rằng đã đạt đ- ợc một giải pháp.
8. Để những thủ tục này có hiệu quả hơn, khoảng thời gian mà ban hội thẩm phải tiến hành xem xét, từ ngày thành phần và các điều khoản tham chiếu của ban hội thẩm

đ- ọc thống nhất cho tới ngày bản báo cáo cuối cùng đ- ọc chuyển tới các bên tranh chấp, theo quy định chung, phải không quá 6 tháng. Trong tr- ờng hợp khẩn cấp, kể cả những tr- ờng hợp liên quan đến hàng dễ hỏng, ban hội thẩm phải cố gắng đ- a ra bản báo cáo của mình cho các bên tranh chấp trong vòng 3 tháng.

9. Khi ban hội thẩm cho rằng không thể đ- a ra bản báo cáo trong vòng 6 tháng hoặc trong vòng 3 tháng trong các tr- ờng hợp khẩn cấp, ban hội thẩm phải thông báo cho DSB bằng văn bản về lý do trì hoãn cùng với khoảng thời gian dự kiến ban hội thẩm phải đ- a ra báo cáo. Không tr- ờng hợp nào mà thời hạn kể từ khi thành lập ban hội thẩm tới khi gửi các báo cáo cho các Thành viên v- ợt quá 9 tháng.

10. Trong khuôn khổ tham vấn liên quan đến biện pháp do một Thành viên đang phát triển tiến hành, các bên có thể đồng ý kéo dài thời gian đ- ọc quy định trong khoản 7 và 8 của Điều 4. Sau khi hết thời hạn liên quan, nếu các bên tham vấn không thể đồng ý rằng việc tham vấn đã kết thúc, Chủ tịch DSB phải quyết định, sau khi tham vấn với các bên, liệu xem có kéo dài thời hạn liên quan hay không, và nếu có, thì kéo dài bao lâu. Thêm vào đó, trong khi xem xét một đơn kiện đối với một Thành viên đang phát triển, ban hội thẩm phải tạo đủ thời gian cho Thành viên đang phát triển để chuẩn bị và trình bày lập luận của mình. Các quy định ở khoản 1 Điều 20 và khoản 4 Điều 21 phải không bị ảnh h- ởng bởi bất kỳ vụ kiện nào theo khoản này.

11. Khi một hoặc nhiều bên là n- ớc đang phát triển Thành viên, báo cáo của ban hội thẩm phải chỉ ra một cách rõ ràng hình thức trong đó có tính đến các điều khoản có liên quan đến chế độ đãi ngộ khác biệt và - u đãi hơn đối với Thành viên là các n- ớc đang phát triển khi các điều khoản này là một phần của những hiệp định có liên quan mà những hiệp định này đã đ- ọc các n- ớc đang phát triển nêu lên trong quá trình tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp.

12. Ban hội thẩm có thể tạm ngừng công việc bất cứ lúc nào theo yêu cầu của bên nguyên đơn trong một thời hạn không quá 12 tháng. Trong tr- ờng hợp tạm ngừng nh- vậy, các thời hạn đ- ọc nêu tại khoản 8 và 9 của Điều này, khoản 1 của Điều 20, và khoản 4 của Điều 21 phải đ- ọc kéo dài một khoảng thời gian bằng thời gian công việc đó bị tạm ngừng. Nếu công việc của ban hội thẩm bị tạm ngừng hơn 12 tháng, thì thẩm quyền thành lập ban hội thẩm phải hết thời hiệu.

Điều 13

Quyền tìm kiếm thông tin

1. Mỗi ban hội thẩm đều phải có quyền tìm kiếm thông tin và t- vấn kỹ thuật từ bất cứ cá nhân hoặc cơ quan nào mà ban hội thẩm coi là phù hợp. Tuy nhiên, tr- ớc khi một ban hội thẩm tìm kiếm thông tin hoặc t- vấn từ bất kỳ cá nhân hoặc cơ quan nào trong phạm vi quyền hạn của một Thành viên, ban hội thẩm phải thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền của Thành viên đó. Thành viên cần trả lời nhanh và đầy đủ bất cứ yêu cầu nào của ban hội thẩm đối với những thông tin đ- ọc ban hội thẩm thấy là cần

thiết và thích hợp. Các thông tin mật đ-ợc cung cấp phải không đ-ợc tiết lộ trừ khi có sự cho phép chính thức của tổ chức, cá nhân và nhà chức trách của Thành viên cung cấp thông tin đó.

2. Ban hội thẩm có thể tìm kiếm thông tin từ bất kỳ nguồn nào có liên quan và có thể tham vấn chuyên gia để nhận đ-ợc những ý kiến về những khía cạnh nhất định của vấn đề. Đối với các vấn đề tình tiết có liên quan đến các vấn đề khoa học, hoặc kỹ thuật do một bên tranh chấp nêu ra, thì ban hội thẩm có thể yêu cầu báo cáo t- vấn bằng văn bản của nhóm chuyên gia thẩm định. Quy tắc thành lập nhóm này và các thủ tục làm việc của nhóm đó đ-ợc nêu trong Phụ lục 4.

Điều 14

Tính bảo mật

1. Việc nghị án của ban hội thẩm phải đ-ợc giữ bí mật.
2. Các bản báo cáo của ban hội thẩm đ-ợc soạn thảo không có sự hiện diện của các bên tranh chấp theo tinh thần của các thông tin đã đ-ợc cung cấp và các ý kiến đã đ-ợc đ- a ra.
3. Các ý kiến của cá nhân hội thẩm viên đ-ợc trình bày trong bản báo cáo của ban hội thẩm phải không đ-ợc ghi tên ng-ời phát biểu ý kiến đó.

Điều 15

Giai đoạn rà soát giữa kỳ

1. Tiếp theo việc xem xét các văn bản đệ trình ý kiến và các lập luận miệng, ban hội thẩm phải chuyển các phần mô tả (các tình tiết và lập luận) của bản dự thảo báo cáo của mình cho các bên tranh chấp. Trong phạm vi thời hạn do ban hội thẩm định ra, các bên phải đệ trình các ý kiến của mình bằng văn bản.
2. Sau khi hết thời hạn đ-ợc định ra để tiếp nhận các ý kiến của các bên tranh chấp, ban hội thẩm phải đ- a ra một bản báo cáo giữa kỳ cho các bên, bao gồm cả các phần mô tả và các ý kiến và các kết luận của ban hội thẩm. Trong phạm vi thời hạn đ-ợc ban hội thẩm đặt ra, một bên có thể đệ trình một văn bản yêu cầu cho ban hội thẩm để xem xét lại những khía cạnh chính xác của bản báo cáo giữa kỳ tr-ớc khi chuyển bản báo cáo cuối cùng tới các Thành viên. Theo yêu cầu của một bên, ban hội thẩm phải tổ chức thêm cuộc họp với các bên về những vấn đề đã đ-ợc nêu trong các bản ý kiến. Nếu không nhận đ-ợc bản ý kiến nào của các bên trong thời hạn đã định cho việc có ý kiến đó thì bản báo cáo giữa kỳ phải đ-ợc coi là bản báo cáo cuối cùng của ban hội thẩm và phải nhanh chóng đ-ợc chuyển tới các Thành viên.
3. Các ý kiến, nhận xét của bản báo cáo cuối cùng của ban hội thẩm phải có cả việc thảo luận về những lý lẽ đ-ợc đ- a ra tại giai đoạn rà soát giữa kỳ. Giai đoạn rà

soát giữa kỳ phải đ-ợc thực hiện trong khoảng thời gian đ-ợc đ-a ra trong khoản 8 Điều 12.

Điều 16

Thông qua báo cáo của Ban hội thẩm

1. Nhằm có đủ thời gian để các Thành viên xem xét các báo cáo của ban hội thẩm, các báo cáo phải không đ-ợc DSB xem xét để thông qua trong vòng 20 ngày sau ngày báo cáo đã đ-ợc chuyển tới các Thành viên.
2. Các Thành viên có phản đối về bản báo cáo của ban hội thẩm phải đ-a văn bản giải thích lý do phản đối của mình tới DSB ít nhất 10 ngày tr-ớc ngày phiên họp của DSB xem xét báo cáo của ban hội thẩm .
3. Các bên tranh chấp có quyền tham gia đầy đủ vào việc DSB xem xét báo cáo của ban hội thẩm, và các quan điểm của họ đ-ợc ghi lại đầy đủ.
4. Trong vòng 60 ngày sau ngày chuyển báo cáo của ban hội thẩm tới các Thành viên, báo cáo này phải đ-ợc thông qua tại phiên họp DSB⁷, trừ khi một bên tranh chấp chính thức thông báo cho DSB về quyết định kháng cáo của mình hoặc DSB quyết định trên cơ sở đồng thuận không thông qua bản báo cáo này. Nếu một bên đã thông báo quyết định kháng cáo của mình, thì DSB phải không xem xét thông qua bản báo cáo của ban hội thẩm lập cho tới khi hoàn thành việc phúc thẩm. Thủ tục thông qua này không làm ph-ơng hại tới quyền của các Thành viên đ-ợc thể hiện quan điểm của mình về bản báo cáo của ban hội thẩm.

Điều 17

Xét xử phúc thẩm

Cơ quan Phúc thẩm th-ờng trực

1. Một Cơ quan Phúc thẩm th-ờng trực phải đ-ợc DSB thành lập. Cơ quan Phúc thẩm này xem xét kháng cáo về các vụ việc của ban hội thẩm. Cơ quan này phải bao gồm 7 ng-ời, mỗi một vụ việc phải do 3 ng-ời trong số đó xét xử. Những ng-ời làm việc ở Cơ quan Phúc thẩm phải làm việc luân phiên. Việc luân phiên nh- vậy phải đ-ợc xác định trong văn bản về thủ tục làm việc của Cơ quan Phúc thẩm.
2. DSB phải chỉ định ng-ời làm việc ở Cơ quan Phúc thẩm cho nhiệm kỳ 4 năm, và mỗi ng-ời có thể đ-ợc tái bổ nhiệm một lần. Tuy nhiên, nhiệm kỳ của 3 trong số 7 ng-ời đ-ợc bổ nhiệm ngay sau khi Hiệp định WTO có hiệu lực phải hết hạn sau 2 năm,

⁷ Nếu cuộc họp của DSB không đ-ợc dự định tổ chức trong giai đoạn này tại thời điểm mà cho phép có thể đáp ứng đ-ợc những yêu cầu của khoản 1 và 4 của Điều 16, thì một cuộc họp DSB phải đ-ợc tổ chức với mục đích này.

đ- ợc xác định bằng việc bắt thăm. Chỗ khuyết phải đ- ợc bổ sung nếu có. Ng- ời đ- ợc bổ nhiệm thay thế một ng- ời mà nhiệm kỳ ch- a hết sẽ giữ vị trí đó trong thời gian nhiệm kỳ còn lại của ng- ời tiền nhiệm.

3. Cơ quan Phúc thẩm phải bao gồm những ng- ời có uy tín đã đ- ợc công nhận, với kinh nghiệm chuyên môn đã đ- ợc chứng minh về pháp luật, th- ơng mại quốc tế và những nội dung của các hiệp định có liên quan nói chung. Họ phải không đ- ợc gắn kết với chính phủ nào. Cơ cấu thành viên của Cơ quan Phúc thẩm phải phản ánh rộng rãi cơ cấu thành viên trong WTO. Tất cả những ng- ời làm việc tại Cơ quan Phúc thẩm phải sẵn sàng làm việc bất cứ lúc nào và chỉ đ- ợc thông báo ngắn, phải cập nhật theo kịp các hoạt động giải quyết tranh chấp và các hoạt động có liên quan khác của WTO. Họ phải không đ- ợc tham gia vào việc xem xét các tranh chấp khi có thể tạo ra xung đột quyền lợi trực tiếp hay gián tiếp.

4. Chỉ các bên có tranh chấp, chứ không phải các bên thứ ba, mới có quyền kháng cáo báo cáo của ban hội thẩm. Các bên thứ ba đã thông báo cho DSB về quyền lợi đáng kể đối với vấn đề theo khoản 2 Điều 10 có thể đệ trình văn bản cho Cơ quan Phúc thẩm và phải đ- ợc tạo cơ hội để Cơ quan Phúc thẩm nghe vấn đề.

5. Nh- một quy tắc chung, việc giải quyết phải không đ- ợc quá 60 ngày kể từ ngày một bên tranh chấp chính thức thông báo quyết định kháng cáo của mình tới ngày Cơ quan Phúc thẩm chuyển báo cáo của mình. Khi xác định thời gian biểu của mình, Cơ quan Phúc thẩm phải cân nhắc các quy định của khoản 9 Điều 4, nếu có liên quan. Khi Cơ quan Phúc thẩm thấy mình không thể đ- a ra báo cáo trong vòng 60 ngày, Cơ quan này phải thông báo cho DSB bằng văn bản lý do trì hoãn cùng với khoảng thời gian dự kiến phải đệ trình báo cáo. Trong bất cứ tr- ờng hợp việc giải quyết cũng không đ- ợc v- ợt quá 90 ngày.

6. Kháng cáo chỉ đ- ợc giới hạn về những vấn đề về pháp lý đ- ợc đề cập đến trong báo cáo của ban hội thẩm và những giải thích pháp luật của ban hội thẩm.

7. Cơ quan Phúc thẩm phải đ- ợc cung cấp những hỗ trợ pháp lý và hành chính thích hợp theo yêu cầu.

8. Chi phí cho những ng- ời làm việc ở Cơ quan Phúc thẩm, bao gồm cả chi phí đi lại và ăn ở, phải đ- ợc thanh toán từ ngân sách của WTO theo mức đ- ợc Đại Hội đồng thông qua trên cơ sở các khuyến nghị của Ủy ban về các vấn đề Ngân sách, Tài chính và Quản trị.

Thủ tục Xét xử Phúc thẩm

9. Thủ tục làm việc phải đ- ợc Cơ quan Phúc thẩm xây dựng có sự tham vấn với Chủ tịch DSB và Tổng Giám đốc và đ- ợc thông báo cho các Thành viên để có thông tin

10. Quá trình tố tụng của Cơ quan Phúc thẩm phải đ- ợc giữ kín. Các báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm phải đ- ợc soạn thảo không có sự tham gia của các bên tranh chấp và theo tinh thần của các thông tin đ- ợc cung cấp và các ý kiến đ- ợc đ- a ra.
11. Các ý kiến của các cá nhân làm việc tại Cơ quan Phúc đ- ợc nêu tại báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm phải không đ- ợc ghi tên ng- ời phát biểu ý kiến đó.
12. Cơ quan Phúc thẩm phải đề cập giải quyết từng vấn đề đ- ợc nêu ra theo khoản 6 trong suốt quá trình tố tụng phúc thẩm.
13. Cơ quan Phúc thẩm có thể giữ nguyên, sửa đổi hoặc quyết định ng- ợc lại các ý kiến và kết luận của ban hội thẩm.

Thông qua các báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm

14. Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm phải đ- ợc DSB thông qua và đ- ợc các bên tranh chấp chấp nhận vô điều kiện trừ khi DSB quyết định trên cơ sở đồng thuận không thông qua báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm trong vòng 30 ngày sau khi báo cáo đó đ- ợc chuyển tới các Thành viên.⁸ Thủ tục thông qua này không làm ph- ơng hại đến quyền của các Thành viên thể hiện quan điểm của mình về bản báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm.

Điều 18

Liên lạc với Ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm

1. PHẢI không có sự liên hệ riêng lẻ của một bên nào với ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm về các vấn đề đang đ- ợc ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm xem xét.
2. Các văn bản trình lên ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm phải đ- ợc giữ bí mật, nh- ng phải đ- ợc có cho các bên tranh chấp. Không có điều nào trong Thỏa thuận này ngăn cản bên tranh chấp công bố quan điểm của mình cho công chúng. Các Thành viên phải giữ bí mật thông tin đ- ợc Thành viên khác đệ trình cho ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm khi Thành viên khác đó chỉ ra đây là thông tin bảo mật. Một bên tranh chấp, theo yêu cầu của một Thành viên, phải cung cấp bản tóm tắt thông tin không bảo mật có trong các văn bản trình mà có thể đ- ợc công bố cho công chúng.

Điều 19

Các khuyến nghị của Ban hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm

⁸ Nếu cuộc họp của DSB không đ- ợc dự định tổ chức trong giai đoạn này, một cuộc họp DSB nh- vậy phải đ- ợc tổ chức với mục đích này.

1. Khi một ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm kết luận rằng một biện pháp nào đó là không phù hợp với hiệp định có liên quan thì ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm phải khuyến nghị rằng Thành viên có liên quan⁹ đ- a các biện pháp đó cho phù hợp với Hiệp định này¹⁰. Cùng với các khuyến nghị đó, ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm có thể đề xuất các cách mà theo đó Thành viên có liên quan có thể thực hiện các khuyến nghị.
2. Theo khoản 2 của Điều 3, trong các kết luận và khuyến nghị của mình, ban hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm không thể thêm vào hay làm giảm bớt đi các quyền và nghĩa vụ đ- ợc quy định trong các hiệp định có liên quan.

Điều 20

Thời hạn ra quyết định của Cơ quan Giải quyết Tranh chấp

Trừ khi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác, thời hạn tính từ ngày DSB thành lập ban hội thẩm tới ngày DSB xem xét báo cáo của ban hội thẩm hoặc của Cơ quan Phúc thẩm để thông qua, nh- là quy tắc chung, phải không quá 9 tháng nếu báo cáo của ban hội thẩm không bị kháng cáo hoặc 12 tháng nếu báo cáo bị kháng cáo. Nếu ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm kéo dài thời hạn để đ- a ra báo cáo của mình, theo khoản 9 của Điều 12 hay khoản 5 của Điều 17, thì thời gian kéo dài phải đ- ợc tính thêm vào thời hạn trên.

Điều 21

Giám sát thực hiện các khuyến nghị và phán quyết

1. Việc tuân thủ ngay lập tức những khuyến nghị hoặc phán quyết của DSB là điều thiết yếu nhằm bảo đảm việc giải quyết hữu hiệu tranh chấp vì lợi ích của tất cả các Thành viên.
2. Cần đặc biệt chú ý đến các vấn đề lợi ích của các Thành viên là các n- ớc đang phát triển liên quan đến các biện pháp là đối t- ợng của việc giải quyết tranh chấp.
3. Tại cuộc họp của DSB đ- ợc tổ chức trong vòng 30 ngày¹¹ sau ngày thông qua báo cáo của ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm, Thành viên liên quan phải thông báo cho DSB về các dự định của mình đối với việc thực hiện các khuyến nghị và phán

⁹ “Thành viên liên quan” là bên tranh chấp mà các khuyến nghị của ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm đ- ợc nhằm vào.

¹⁰ Đối với các khuyến nghị trong các tr- ờng hợp không liên quan đến việc vi phạm GATT 1994 hay bất cứ hiệp định có liên quan nào khác, xem Điều 26.

¹¹ Nếu cuộc họp của DSB không đ- ợc dự định tổ chức trong giai đoạn này, một cuộc họp DSB nh- vậy phải đ- ợc tổ chức với mục đích này.

quyết của DSB. Nếu không thể thực hiện đ-ợc việc tuân theo ngay lập tức các khuyến nghị và phán quyết thì Thành viên liên quan phải có một khoảng thời gian hợp lý để thực hiện. Khoảng thời gian hợp lý phải là:

- (a) khoảng thời gian do Thành viên có liên quan đề xuất, với điều kiện là thời hạn đó đ-ợc DSB thông qua; hoặc, nếu không đ-ợc thông qua nh- vậy, thì là
- (b) khoảng thời gian đ-ợc các bên tranh chấp thỏa thuận trong vòng 45 ngày sau ngày thông qua các khuyến nghị và phán quyết; hoặc, nếu không đạt đ-ợc thỏa thuận nh- vậy giữa các bên, thì là
- (c) khoảng thời gian đ-ợc xác định thông qua quyết định trọng tài có giá trị ràng buộc trong vòng 90 ngày sau ngày thông qua các khuyến nghị và phán quyết¹². Trong tố tụng trọng tài nh- vậy thì một h-ớng dẫn đối với trọng tài viên¹³ là khoảng thời gian hợp lý để thực hiện các khuyến nghị và phán quyết của ban hội thẩm hay Cơ quan Phúc thẩm, không đ-ợc v-ợt quá 15 tháng kể từ ngày thông qua báo cáo của ban hội thẩm hoặc của Cơ quan Phúc thẩm. Tuy nhiên, thời gian đó có thể dài hoặc ngắn hơn, tùy thuộc vào các tr-ờng hợp cụ thể.

4. Trừ khi ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm kéo dài thời hạn đ- a ra báo cáo của mình theo khoản 9 của Điều 12, hay khoản 5 của Điều 17, thì thời hạn kể từ ngày DSB thành lập ban hội thẩm cho tới ngày quyết định thời hạn hợp lý phải không v-ợt quá 15 tháng trừ khi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác. Khi ban hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm kéo dài thời hạn đ- a ra báo cáo của mình, thì thời gian kéo dài phải đ-ợc cộng vào thời hạn 15 tháng; với điều kiện là tổng số thời gian không v-ợt quá 18 tháng trừ khi các bên tranh chấp thỏa thuận là có các tình huống ngoại lệ.

5. Khi có bất đồng về sự tồn tại hay sự phù hợp với một hiệp định có liên quan của các biện pháp đ-ợc thực hiện để thi hành các khuyến nghị và phán quyết thì tranh chấp nh- vậy phải đ-ợc quyết định thông qua các thủ tục giải quyết tranh chấp ở đây, gồm cả việc sử dụng ban hội thẩm ban đầu nếu có thể. Ban hội thẩm phải chuyển báo cáo của mình trong vòng 90 ngày sau ngày vấn đề này đ-ợc đ- a cho ban hội thẩm. Khi ban hội thẩm cho rằng không thể hoàn thành báo cáo trong thời hạn đó, ban hội thẩm phải thông báo cho DSB bằng văn bản về lý do trì hoãn này với khoảng thời gian dự kiến phải đệ trình báo cáo.

6. DSB phải duy trì giám sát việc thực hiện các khuyến nghị hoặc phán quyết đã đ-ợc thông qua. Vấn đề thực hiện các khuyến nghị hoặc phán quyết có thể đ-ợc bất cứ Thành viên nào đặt ra tại DSB vào bất cứ thời điểm nào sau khi đ-ợc thông qua. Trừ khi DSB quyết định khác, vấn đề thực hiện các khuyến nghị hoặc phán quyết phải đ-ợc

¹² Nếu các bên không thể đồng ý về trọng tài viên trong vòng 10 ngày kể từ khi đ- a vấn đề này ra trọng tài, thì một trọng tài viên đ-ợc Tổng Giám đốc chỉ định trong vòng 10 ngày, sau khi tham vấn các bên.

¹³ Thuật ngữ “trọng tài viên” phải được hiểu là nói tới một cá nhân hoặc một nhóm ng-ời.

đ- a vào ch- ong trình nghị sự của DSB sau 6 tháng kể từ ngày thời hạn hợp lý theo khoản 3 đ- ọc ấn định và phải vẫn nằm trong ch- ong trình nghị sự của DSB cho tới khi vấn đề đ- ọc giải quyết. Ít nhất là 10 ngày tr- ớc mỗi cuộc họp nh- vậy của DSB, Thành viên liên quan phải cung cấp cho DSB bản báo cáo bằng văn bản về tiến triển của việc thực hiện các khuyến nghị hoặc phán quyết này.

7. Nếu vấn đề đ- ọc Thành viên đang phát triển đ- a ra, thì DSB phải xem xét để có hành động tiếp theo thích hợp với các tình tiết.

8. Nếu tranh chấp do Thành viên đang phát triển đ- a ra, thì khi cân nhắc biện pháp thích hợp có thể đ- ọc áp dụng, DSB phải cân nhắc không chỉ phạm vi áp dụng về th- ong mại của các biện pháp bị khiếu nại, mà còn cả những ảnh h- ớng của chúng tới nền kinh tế của các Thành viên đang phát triển có liên quan.

Điều 22

Bồi th- ờng và tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ

1. Việc bồi th- ờng và tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác là những biện pháp tạm thời đ- ọc đ- a ra trong tr- ờng hợp các khuyến nghị và phán quyết không đ- ọc thực hiện trong khoảng thời gian hợp lý. Tuy nhiên, việc bồi th- ờng hay tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ nào khác không đ- ọc là các biện pháp - u tiên hơn việc thực hiện đầy đủ khuyến nghị để làm cho một biện pháp phù hợp với các hiệp định có liên quan. Việc bồi th- ờng là tự nguyện, nếu đ- ọc đ- a ra thì phải phù hợp với các hiệp định có liên quan.

2. Nếu Thành viên liên quan không làm cho biện pháp bị quyết định là không phù hợp trở thành phù hợp với hiệp định có liên quan hoặc bằng cách khác tuân thủ theo những khuyến nghị và phán quyết trong khoảng thời gian hợp lý đ- ọc xác định phù hợp với khoản 3 của Điều 21, thì Thành viên đó phải, nếu đ- ọc yêu cầu nh- vậy và không đ- ọc chậm hơn ngày hết hạn của khoảng thời gian hợp lý, tiến hành đàm phán với bất cứ bên nào đang viện dẫn tới những thủ tục giải quyết tranh chấp, nhằm đ- a ra việc bồi th- ờng thỏa đáng đối với cả hai bên. Nếu không thỏa thuận đ- ọc biện pháp bồi th- ờng thỏa đáng nào trong vòng 20 ngày sau ngày hết hạn thời hạn hợp lý, thì bất cứ bên nào đã viện dẫn tới các thủ tục giải quyết tranh chấp cũng có thể yêu cầu DSB cho phép tạm hoãn thi hành việc áp dụng đối với Thành viên liên quan những nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác theo các hiệp định có liên quan.

3. Khi xem xét để tạm hoãn thi hành những nh- ợng bộ hoặc các nghĩa vụ khác, thì bên nguyên đơn phải áp dụng những nguyên tắc và thủ tục sau:

- (a) nguyên tắc chung là bên nguyên đơn cần tr- ớc tiên tạm hoãn thi hành những nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác đối với cùng (những) lĩnh vực mà ban hội thẩm hoặc Cơ quan phúc thẩm đã xác định là có vi phạm hoặc làm triệt tiêu hoặc gây ph- ong hại;

- (b) nếu bên đó cho rằng việc tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ hoặc các nghĩa vụ khác là không thực tế hoặc không hiệu quả đối với cùng (những) lĩnh vực đó, thì bên đó có thể tạm hoãn thi hành những nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác trong những lĩnh vực của cùng một hiệp định;
- (c) nếu bên đó cho rằng việc tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ hoặc các nghĩa vụ khác là không thực tế hoặc không hiệu quả đối với những lĩnh vực khác trong cùng hiệp định và những tình huống đủ nghiêm trọng, thì bên đó có thể tìm kiếm việc tạm hoãn thi hành nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác theo một hiệp định có liên quan khác;
- (d) khi áp dụng những nguyên tắc trên, bên đó phải cân nhắc:
 - (i) th- ợng mại trong lĩnh vực hay theo hiệp định mà ban hội thẩm hoặc Cơ quan phúc thẩm đã quyết định là có vi phạm hoặc làm triệt tiêu hoặc gây ph- ợng hại, và tầm quan trọng của lĩnh vực th- ợng mại này đối với bên đó;
 - (ii) những nhân tố kinh tế lớn hơn liên quan đến việc triệt tiêu hoặc gây ph- ợng hại và những hậu quả kinh tế lớn hơn của việc tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác;
- (e) nếu bên đó quyết định yêu cầu cho phép tạm hoãn những nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác theo các tiết (b) hoặc (c), thì bên đó phải nêu lý do cho yêu cầu của mình. Cùng thời gian khi yêu cầu đ- ợc chuyển tới DSB, thì yêu cầu cũng phải đ- ợc chuyển tới các Hội đồng có liên quan và cả tới các cơ quan chuyên ngành có liên quan trong tr- ờng hợp yêu cầu này phù hợp với tiết (b);
- (f) trong khoản này, thuật ngữ "lĩnh vực" có nghĩa là:
 - (i) đối với hàng hóa, tất cả hàng hóa
 - (ii) đối với dịch vụ, một lĩnh vực chính đ- ợc xác định trong "Danh mục Phân loại Lĩnh vực Dịch vụ" hiện hành có xác định những lĩnh vực đó;¹⁴
 - (iii) đối với quyền sở hữu trí tuệ có liên quan đến th- ợng mại, mỗi loại quyền sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi Mục 1, hoặc Mục 2, hoặc Mục 3, hoặc Mục 4, hoặc Mục 5, hoặc Mục 6, hoặc Mục 7 của Phần II, hoặc những nghĩa vụ thuộc Phần III, hoặc Phần IV của Hiệp định TRIPS;
- (g) trong khoản này, thuật ngữ "hiệp định" có nghĩa là:

¹⁴ Danh mục trong tài liệu MTN.GNS/W/120 xác định 11 lĩnh vực.

- (i) đối với hàng hóa, tất cả những hiệp định đ- ọc liệt kê trong Phụ lục 1A của Hiệp định WTO đ- ọc tính chung, cũng nh- các Hiệp định Thương mại tùy nghi của một số Thành viên mà Thành viên của những hiệp định này cũng là các bên có liên quan đến tranh chấp;
- (ii) đối với dịch vụ, là Hiệp định GATS;
- (iii) đối với quyền sở hữu trí tuệ, là Hiệp định TRIPS.

4. Mức độ tạm hoãn thi hành những nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác đ- ọc DSB cho phép phải t- ơng ứng với mức độ triệt tiêu hoặc gây ph- ơng hại.

5. DSB không đ- ọc cho phép tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác nếu hiệp định có liên quan cấm việc tạm hoãn thi hành nh- vậy.

6. Khi tình huống mô tả tại khoản 2 xảy ra, theo yêu cầu, DSB phải cho phép tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác trong vòng 30 ngày kể từ ngày thời hạn hợp lý kết thúc, trừ khi DSB có quyết định trên cơ sở đồng thuận từ chối yêu cầu đó. Tuy nhiên, nếu Thành viên có liên quan phản đối mức độ tạm hoãn đ- ọc đề xuất, hoặc khiếu nại rằng những nguyên tắc và thủ tục nêu tại khoản 3 ch- a đ- ọc tuân thủ khi bên nguyên đơn yêu cầu cho phép tạm hoãn nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác theo khoản 3(b) hoặc (c), thì vấn đề này phải đ- ọc đ- a ra trọng tài. Việc phân xử bằng trọng tài nh- vậy phải do ban hội thẩm ban đầu tiến hành, nếu các thành viên chấp nhận, hoặc do một trọng tài viên¹⁵ đ- ọc Tổng Giám đốc chỉ định và việc xét xử của trọng tài phải đ- ọc hoàn tất trong vòng 60 ngày sau ngày thời hạn hợp lý kết thúc. Nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác phải không bị tạm hoãn trong quá trình phân xử của trọng tài.

7. Trọng tài viên¹⁶ hoạt động theo khoản 6 không xem xét bản chất của những nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác bị tạm hoãn nh- ng phải quyết định liệu mức tạm hoãn có t- ơng ứng với mức triệt tiêu hay gây ph- ơng hại hay không. Trọng tài viên cũng có thể quyết định liệu đề xuất tạm hoãn những nh- ợng bộ hoặc các nghĩa vụ khác có đ- ọc phép hay không theo hiệp định có liên quan. Tuy nhiên, nếu vấn đề đ- ọc đ- a ra trọng tài bao gồm cả khiếu nại rằng những nguyên tắc và thủ tục đ- ọc nêu ra tại khoản 3 ch- a đ- ọc tuân thủ, thì trọng tài viên phải xem xét khiếu nại đó. Trong tr- ờng hợp trọng tài viên xác định rằng những nguyên tắc và thủ tục đó ch- a đ- ọc tuân thủ thì bên nguyên đơn phải áp dụng chúng phù hợp với khoản 3. Các bên phải chấp nhận quyết định của trọng tài là quyết định chung thẩm và các bên liên quan phải không đ- ọc yêu cầu giải quyết bằng trọng tài lần thứ hai. DSB phải đ- ọc thông báo nhanh chóng về quyết định của trọng tài và cho phép theo yêu cầu tạm hoãn nh- ợng bộ hoặc

¹⁵ Thuật ngữ "trọng tài viên" phải đ- ọc hiểu là nói tới một cá nhân hoặc một nhóm.

¹⁶ Thuật ngữ "trọng tài viên" phải đ- ọc hiểu là nói tới một cá nhân hoặc một nhóm hoặc các Thành viên của ban hội thẩm ban đầu khi làm việc với t- cách trọng tài viên.

các nghĩa vụ khác, khi có yêu cầu, phù hợp quyết định của trọng tài, trừ khi DSB quyết định trên cơ sở đồng thuận bác bỏ yêu cầu này.

8. Việc tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ và các nghĩa vụ khác chỉ là tạm thời và chỉ đ- ợc áp dụng cho tới khi biện pháp đ- ợc coi là không phù hợp với hiệp định có liên quan đ- ợc loại bỏ, hoặc Thành viên phải thực hiện những khuyến nghị hoặc phán quyết đ- a ra giải pháp đối với việc triệt tiêu hoặc làm ph- ơng hại đến lợi ích, hoặc đã đạt đ- ợc một giải pháp thoả đáng cho cả hai bên. Theo khoản 6 Điều 21, DSB phải tiếp tục duy trì giám sát việc thực hiện những khuyến nghị hoặc phán quyết đã đ- ợc thông qua, kể cả những tr- ờng hợp trong đó đã thực hiện bồi th- ờng hoặc các tr- ờng hợp trong đó các nh- ợng bộ hoặc các nghĩa vụ khác đã bị tạm hoãn nh- ng những khuyến nghị yêu cầu điều chỉnh một biện pháp cho phù hợp với những hiệp định có liên quan vẫn ch- a đ- ợc thực hiện.

9. Các điều khoản về giải quyết tranh chấp tại các hiệp định có liên quan có thể đ- ợc viện dẫn đối với những biện pháp có ảnh h- ờng đến việc tuân thủ những hiệp định này của các chính quyền hoặc các cơ quan có thẩm quyền địa ph- ơng hay khu vực trên lãnh thổ của một Thành viên. Khi DSB phán quyết rằng một điều khoản của một hiệp định có liên quan ch- a đ- ợc tuân thủ, Thành viên có trách nhiệm đó phải thực hiện các biện pháp hợp lý có thể để đảm bảo việc tuân thủ của mình. Những quy định của các hiệp định có liên quan và Thoả thuận này liên quan tới việc bồi th- ờng và toạm hoãn thi hành những nh- ợng bộ hay những nghĩa vụ khác phải đ- ợc áp dụng trong tr- ờng hợp không thể đảm bảo việc tuân thủ này¹⁷.

Điều 23 Tăng cõng hệ thống đa biên

Tăng cõng hệ thống đa biên

- 1.
1. Khi các Thành viên muốn xử lý một việc vi phạm các nghĩa vụ hoặc việc làm triệt tiêu hay ph- ơng hại những lợi ích theo các hiệp định có liên quan hoặc gây trở ngại tới việc đạt đ- ợc bất cứ mục tiêu nào của các hiệp định có liên quan, thì những Thành viên này phải dựa vào và tuân thủ theo những quy tắc và thủ tục của Thoả thuận này.
2. Trong những tr- ờng hợp nh- vậy, các Thành viên phải:
 - (a) không đ- ợc đ- a ra quyết định đem lại hệ quả là sự vi phạm đã xảy ra, lợi ích đã triệt tiêu hay bị giảm đi hoặc việc đạt đ- ợc bất kỳ mục đích nào của các hiệp định có liên quan đã bị cản trở, trừ khi thông qua việc sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp theo những quy tắc và thủ tục của Thoả thuận

¹⁷ Nếu các điều khoản của bất cứ hiệp định có liên quan nào về những biện pháp do chính quyền hoặc các cơ quan có thẩm quyền của địa ph- ơng hay vùng lãnh thổ của một Thành viên có những điều khoản khác với những điều khoản trong khoản này, thì những điều khoản của những hiệp định có liên quan đó phải quyết định.

này, và phải đưa ra bất cứ quyết định nào phù hợp với những kết quả điều tra có trong báo cáo của ban hội thẩm hoặc Cơ quan phúc thẩm được DSB thông qua hoặc một quyết định của trọng tài được tuyên theo Thỏa thuận này;

- (b) tuân theo những thủ tục được quy định tại Điều 21 để xác định khoảng thời gian hợp lý cho Thành viên có liên quan thực thi những khuyến nghị và phán quyết; và
- (c) tuân theo những thủ tục được quy định tại Điều 22 để xác định mức độ tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác và xin phép của DSB phù hợp với những thủ tục đó trước khi tạm hoãn thi hành những nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ theo các hiệp định có liên quan nhằm đáp lại việc Thành viên có liên quan không thực hiện những khuyến nghị và phán quyết trong thời hạn hợp lý.

Điều 24

Thủ tục đặc biệt liên quan đến những Thành viên kém phát triển nhất

1. Trong tất cả các giai đoạn xác định nguyên nhân của một vụ tranh chấp và xác định thủ tục giải quyết tranh chấp có liên quan đến Thành viên kém phát triển nhất, cần có lưu ý đặc biệt đến tình hình đặc biệt của các Thành viên kém phát triển nhất. Theo tinh thần đó, các Thành viên cần kiểm chế một cách thích hợp việc khởi kiện theo những thủ tục này về các vấn đề có liên quan đến các Thành viên kém phát triển nhất. Nếu phát hiện thấy có sự triệt tiêu hay làm ph- ơng hại đến lợi ích bắt nguồn từ biện pháp do Thành viên kém phát triển nhất thực hiện, các bên nguyên đơn cần phải kiểm chế một cách thích hợp trong việc yêu cầu bồi th- ờng hoặc xin phép tạm hoãn thi hành các nh- ợng bộ hoặc những nghĩa vụ khác theo những thủ tục này.
2. Trong những tr- ờng hợp giải quyết tranh chấp có liên quan đến Thành viên kém phát triển nhất, nếu không đạt được một giải pháp thỏa đáng trong quá trình tham vấn, Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch DSB phải, theo yêu cầu của Thành viên kém phát triển nhất, đưa ra sáng kiến làm môi giới, trung gian và hòa giải để giúp các bên giải quyết tranh chấp trước khi có yêu cầu thành lập ban hội thẩm. Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch DSB, khi thực hiện việc hỗ trợ nói trên, có thể tham khảo từ bất cứ nguồn nào được cho là thích hợp.

Điều 25

Trọng tài

1. Việc giải quyết nhanh chóng bằng trọng tài trong khuôn khổ WTO với t- cách là những biện pháp thay thế của việc giải quyết tranh chấp có thể tạo thuận lợi cho việc

giải quyết những tranh chấp nhất định có liên quan đến những vấn đề đã được cả hai bên cùng xác định rõ.

2. Trừ trường hợp có quy định khác trong Thỏa thuận này, việc sử dụng trọng tài phải theo thỏa thuận hai bên và hai bên phải đồng ý với nhau về thủ tục tố tụng trọng tài phải tuân thủ. Những thỏa thuận về sử dụng trọng tài phải được thông báo sớm cho tất cả các Thành viên trước khi thực tế bắt đầu tiến trình tố tụng của trọng tài.

3. Các Thành viên khác có thể trở thành một bên tham gia tố tụng của trọng tài chỉ khi có sự đồng ý của các bên là những bên đã đồng ý sử dụng trọng tài. Các bên tham gia tiến trình tố tụng này phải thỏa thuận với nhau là tuân thủ phán quyết của trọng tài. Các phán quyết của trọng tài phải được thông báo cho DSB và Hội đồng hoặc Ủy ban của bất cứ hiệp định nào có liên quan trong đó bất kỳ Thành viên nào cũng có thể đưa thêm ý kiến có liên quan.

4. Điều 21 và 22 của Thỏa thuận này phải được áp dụng tương ứng đối với những phán quyết của trọng tài.

Điều 26

1. Khiếu kiện không có vi phạm thuộc dạng được nêu trong khoản 1(b) Điều XXIII của GATT 1994

Trong các trường hợp khi các quy định tại khoản 1(b) Điều XXIII của GATT 1994 có thể được áp dụng cho một hiệp định có liên quan, ban hội thẩm hoặc Cơ quan phúc thẩm chỉ có thể đưa ra các phán quyết và khuyến nghị khi một bên tranh chấp cho rằng lợi ích của họ trực tiếp hay gián tiếp có được theo hiệp định có liên quan đó đang bị triệt tiêu hoặc xâm hại hoặc việc đạt được mục đích của hiệp định đó đang bị ngăn cản do việc một Thành viên áp dụng bất kỳ biện pháp nào, bất kể biện pháp đó có mâu thuẫn với những quy định của Hiệp định đó hay không. Khi và trong chừng mực bên đó và ban hội thẩm hoặc Cơ quan phúc thẩm xác định rằng vụ kiện có liên quan đến một biện pháp mà không mâu thuẫn với các quy định của một hiệp định có liên quan nào mà khoản 1(b) Điều XXIII của GATT 1994 có thể được áp dụng, các thủ tục của Thỏa thuận này phải được áp dụng với điều kiện tuân theo các quy định như sau:

- (a) bên nguyên đơn phải đưa ra bản giải trình chi tiết hỗ trợ cho bất cứ đơn kiện nào có liên quan đến một biện pháp không mâu thuẫn với hiệp định có liên quan;
- (b) khi một biện pháp bị phát hiện là làm triệt tiêu hoặc làm suy giảm lợi ích, hoặc cản trở việc đạt mục đích của hiệp định có liên quan nhưng không vi phạm hiệp định đó thì khi đó không có nghĩa vụ phải loại bỏ biện pháp đó. Tuy nhiên, trong những trường hợp này, ban hội thẩm hoặc Cơ quan phúc thẩm phải khuyến nghị Thành viên có liên quan tìm kiếm sự điều chỉnh thỏa đáng cho cả đôi bên;

- (c) Mặc dù có những quy định tại Điều 21, việc xét xử của trọng tài đ-ợc quy định tại khoản 3 Điều 21, theo yêu cầu của bất cứ bên nào, có thể bao gồm cả việc xác định mức độ lợi ích bị triệt tiêu hoặc ph-ong hại, và cũng có thể đề xuất những cách thức và biện pháp nhằm đạt đ-ợc sự điều chỉnh thỏa đáng cho cả đôi bên: những đề xuất nh- vậy phải không ràng buộc các bên tranh chấp;
- (d) Mặc dù có những quy định tại khoản 1 Điều 22, việc bồi th-ờng có thể là một phần của sự điều chỉnh thỏa đáng cho cả đôi bên nh- là giải pháp cuối cùng giải quyết tranh chấp.

2. Khiếu kiện thuộc dạng đ-ợc nêu tại khoản 1(c) Điều XXIII của GATT 1994

Trong tr-ờng hợp các quy định tại khoản 1(c) Điều XXIII của GATT 1994 có thể đ-ợc áp dụng cho một hiệp định có liên quan, ban hội thẩm chỉ có thể đ-a ra các phán quyết và khuyến nghị khi một bên cho rằng lợi ích mà bên đó trực tiếp hay gián tiếp đ-ợc h-ởng theo hiệp định có liên quan đang bị triệt tiêu hay ph-ong hại hay việc đạt đ-ợc mục đích của hiệp định đang bị cản trở do có sự tồn tại của bất cứ tình huống nào khác với các tình huống mà những quy định tại khoản 1(a) và (b) Điều XXIII của GATT 1994 có thể đ-ợc áp dụng. Khi trong chừng mực bên đó và ban hội thẩm xác định rằng vấn đề này thuộc phạm vi của khoản này, thì các thủ tục của Thỏa thuận này chỉ áp dụng cho tới thời điểm tổ tụng khi báo cáo của ban hội thẩm đ-ợc chuyển đến các Thành viên. Các quy tắc và thủ tục giải quyết tranh chấp trong Quyết định ngày 12/4/1989 (BISD 36S/61-67) phải áp dụng cho việc xem xét thông qua, việc giám sát và thực hiện những khuyến nghị và phán quyết. Những quy định d-ới đây cũng phải đ-ợc áp dụng:

- (a) bên nguyên đơn phải đ-a ra bản giải trình chi tiết để hỗ trợ cho bất cứ lập luận nào đ-ợc đ-a ra đối với các vấn đề thuộc phạm vi của khoản này;
- (b) trong các vụ kiện có liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi của khoản này, nếu ban hội thẩm thấy vụ việc cũng có liên quan đến các vấn đề giải quyết tranh chấp khác với các vấn đề thuộc phạm vi khoản này, ban hội thẩm phải chuyển lên DSB một bản báo cáo đề cập đến tất cả các vấn đề nh- vậy và một bản báo cáo riêng về những vấn đề thuộc phạm vi khoản này.

Điều 27

Trách nhiệm của Ban Th- ký

1. Ban Th- ký có trách nhiệm giúp ban hội thẩm, đặc biệt về các khía cạnh pháp lý, lịch sử và thủ tục của các vấn đề đang đ-ợc xử lý, và hỗ trợ kỹ thuật cũng nh- công việc th- ký.

2. Khi Ban Th- ký giúp các Thành viên về giải quyết tranh chấp theo yêu cầu của họ, thì cũng cần cung cấp thêm t- vấn pháp lý và hỗ trợ về việc giải quyết tranh chấp cho các Thành viên là các n- ớc đang phát triển. Để đạt đ- ợc điều này, Ban Th- ký phải cung cấp chuyên gia pháp lý có năng lực từ các cơ quan dịch vụ hợp tác kỹ thuật của WTO cho bất cứ Thành viên nào là các n- ớc đang phát triển nếu có yêu cầu. Chuyên gia này phải giúp Thành viên là các n- ớc đang phát triển theo cách nhằm đảm bảo tính khách quan của Ban Th- ký.

3. Ban Th- ký phải tổ chức những khóa đào tạo đặc biệt cho các Thành viên có quan tâm về những thủ tục và thực tế giải quyết tranh chấp nhằm tạo điều kiện cho các chuyên gia của các Thành viên đ- ợc cung cấp thông tin tốt hơn về lĩnh vực này.

PHỤ LỤC 1

CÁC HIỆP ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA THỎẢ THUẬN

- (A) Hiệp định Thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới
- (B) Các Hiệp định Thương mại Đa phương
 - Phụ lục 1A: Các Hiệp định Đa biên về Thương mại Hàng hóa
 - Phụ lục 1B: Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ
 - Phụ lục 1C: Hiệp định về các Khía cạnh của Quyền Sở hữu Trí tuệ liên quan đến Thương mại
 - Phụ lục 2: Thỏa thuận ghi nhận về Các quy tắc và Thủ tục điều chỉnh việc Giải quyết Tranh chấp.
- (C) Các Hiệp định Thương mại tùy nghi của một số Thành viên
 - Phụ lục 4: Hiệp định về Thương mại Máy ban Dân dụng
 - Hiệp định về Mua sắm Chính phủ
 - Hiệp định Quốc tế về Sữa
 - Hiệp định Quốc tế về Thịt bò

Khả năng áp dụng của Thỏa thuận này cho các Hiệp định Thương mại tùy nghi của một số Thành viên phải tùy thuộc vào sự quyết định của các bên tham gia từng hiệp định quy định các điều kiện về việc áp dụng Thỏa thuận này cho từng hiệp định riêng lẻ, gồm cả bất cứ quy tắc hoặc thủ tục đặc biệt hoặc bổ sung nào đ-ợc đ-a vào Phụ lục 2, nh- đ-ợc thông báo cho DSB.

PHỤ LỤC 2

CÁC QUY TẮC VÀ THỦ TỤC ĐẶC BIỆT HOẶC BỔ SUNG ĐƯỢC NÊU TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN

<i>Hiệp định</i>	<i>Quy tắc và Thủ tục</i>
Hiệp định về việc Áp dụng Các Biện pháp vệ sinh và vệ sinh dịch tễ	11.2
Hiệp định về Hàng dệt may	2.14, 2.21, 4.4, 5.2, 5.4, 5.6, 6.9, 6.10, 6.11, 8.1 đến 8.12
Hiệp định về Các Hàng rào Kỹ thuật đối với Thương mại	14.2 đến 14.4, Phụ lục 2
Hiệp định về Thực hiện Điều VI của GATT 1994	17.4 đến 17.7
Hiệp định về Thực hiện Điều VII của GATT 1994	19.3 đến 19.5, Phụ lục II.2(f), 3, 9, 21
Hiệp định về Trợ cấp và Các Biện pháp Đối kháng	4.2 đến 4.12, 6.6, 7.2 đến 7.10, 8.5, chú thích cuối trang 35, 24.4, 27.7, Phụ lục V
Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ	XXII:3, XXII:3
Phụ lục về Dịch vụ Tài chính	4
Phụ lục về Dịch vụ Vận tải Hàng không	4
Quyết định về một số thủ tục Giải quyết Tranh chấp nhất định đối với GATS	1 đến 5

Danh mục các quy tắc và thủ tục trong Phụ lục này bao gồm cả những điều khoản trong đó chỉ có một phần có thể có liên quan đến bối cảnh này.

Bất cứ quy tắc hoặc thủ tục đặc biệt hoặc bổ sung nào trong các Hiệp định Thương mại tùy nghi của một số Thành viên được các cơ quan có thẩm quyền của mỗi hiệp định quyết định và được thông báo cho DSB.

PHỤ LỤC 3

THỦ TỤC LÀM VIỆC

1. Trong quá trình tố tụng, ban hội thẩm phải tuân thủ những quy định có liên quan của Thoả thuận này. Ngoài ra, những thủ tục làm việc sau đây phải đ- ọc áp dụng.
2. Ban hội thẩm phải họp kín. Các bên có tranh chấp, và những bên có quan tâm, phải có mặt tại các buổi họp chỉ khi đ- ọc ban hội thẩm mời có mặt.
3. Việc nghị án của ban hội thẩm và những tài liệu đ- ọc đệ trình lên phải đ- ọc giữ bí mật. Không có phần nào trong Thoả thuận này ngăn cản một bên tranh chấp công bố cho công chúng quan điểm của mình. Các Thành viên phải coi các thông tin do một Thành viên cung cấp cho ban hội thẩm là thông tin bí mật nếu Thành viên này chỉ ra rằng thông tin đó là bí mật. Khi một bên tranh chấp đệ trình lên ban hội thẩm một phiên bản mật của văn bản đệ trình, bên đó, theo yêu cầu của một Thành viên, cung cấp một bản tóm tắt thông tin không mật có thể công bố công khai về những thông tin chứa đựng trong bản đệ trình đó mà có thể đ- a ra công chúng.
4. Tr- ớc cuộc họp đi vào nội dung đầu tiên của ban hội thẩm với các bên, các bên tranh chấp chuyển cho ban hội thẩm văn bản đệ trình trong đó trình bày tình tiết của vụ kiện và những lập luận của mình.
5. Tại cuộc họp đi vào nội dung đầu tiên với các bên, ban hội thẩm phải yêu cầu bên nguyên đơn trình bày vụ kiện của mình. Sau đó, tại cùng cuộc họp, bên bị khiếu kiện phải đ- ọc yêu cầu trình bày quan điểm của mình.
6. Tất cả các bên thứ ba đã thông báo có quan tâm đến vụ tranh chấp cho DSB phải đ- ọc mời bằng văn bản để trình bày quan điểm của mình trong một phiên làm việc của cuộc họp đi vào nội dung đầu tiên của ban hội thẩm đ- ọc tổ chức riêng cho mục đích này. Tất cả các bên thứ ba này đều có thể có mặt trong suốt phiên làm việc đó.
7. Những ý kiến phản bác lại chính thức phải đ- ọc đ- a ra tại cuộc họp đi vào nội dung lần thứ hai của ban hội thẩm. Bên bị đơn phải có quyền phát biểu tr- ớc, sau đó tới bên nguyên đơn. Các bên phải đệ trình, tr- ớc khi cuộc họp đó diễn ra, ý kiến phản bác bằng văn bản tới ban hội thẩm.
8. Trong bất cứ thời điểm nào ban hội thẩm cũng có thể đ- a ra câu hỏi với các bên và yêu cầu họ phải giải thích ngay trong cuộc họp với các bên hoặc bằng văn bản.
9. Các bên tranh chấp và bên thứ ba đ- ọc mời tới trình bày quan điểm theo quy định của Điều 10 phải cung cấp cho ban hội thẩm bản viết của những tuyên bố miệng của mình.
10. Để đảm bảo tính minh bạch đầy đủ, các bài trình bày, phản bác và tuyên bố nh- đ- ọc đề cập đến từ khoản 5 đến 9 phải đ- ọc đ- a ra khi có mặt của các bên. Hơn nữa, những văn bản đệ trình của mỗi bên, bao gồm bất kỳ những ý kiến nào về phân mô tả

của bản báo cáo và những câu trả lời cho những câu hỏi do ban hội thẩm đ- a ra, phải đ- ợc cung cấp cho (các) bên khác.

11. Bất cứ thủ tục bổ sung nào cụ thể cho ban hội thẩm.

12. Thời gian biểu dự kiến cho công việc của ban hội thẩm:

(a) Nhận văn bản đệ trình lần đầu tiên của các bên:

(1) Bên nguyên đơn: _____ 3-6 tuần

(2) Bên bị đơn: _____ 2-3 tuần

(b) Ngày, giờ và địa điểm của cuộc họp đi vào nội dung đầu tiên với các bên: phiên làm việc với bên thứ ba: _____ 1-2 tuần

(c) Nhận văn bản phản bác của các bên: _____ 2-3 tuần

(d) Ngày, giờ và địa điểm của cuộc họp đi vào nội dung lần thứ hai với các bên: _____ 1-2 tuần

(e) Đ- a ra phần miêu tả của báo cáo cho các bên: _____ 2-4 tuần

(f) Nhận ý kiến của các bên về phần miêu tả của báo cáo này: _____ 2 tuần

(g) Đ- a ra báo cáo giữa kỳ, bao gồm những nhận xét và kết luận cho các bên: _____ 2-4 tuần

(h) Thời hạn cuối cùng cho các bên đ- a ra yêu cầu rà soát lại (các) phần của báo cáo: _____ 1 tuần

(i) Thời gian rà soát của ban hội thẩm, kể cả những cuộc họp bổ sung có thể với các bên: _____ 2 tuần

(j) Đ- a ra báo cáo cuối cùng cho các bên tranh chấp: _____ 2 tuần

(k) L- u chuyển bản báo cáo cuối cùng này cho các Thành viên: _____ 3 tuần

Lịch trên có thể thay đổi theo những diễn biến không thể l- ờng tr- ớc đ- ợc. Các cuộc họp bổ sung với các bên có thể đ- ợc thu xếp nếu có yêu cầu.

PHỤ LỤC 4

CÁC NHÓM CHUYÊN GIA RÀ SOÁT

Những quy tắc và thủ tục sau đây phải đ- ợc áp dụng cho các nhóm chuyên gia rà soát đ- ợc thành lập phù hợp với những điều khoản thuộc khoản 2 của Điều 13.

1. Các nhóm chuyên gia rà soát đ- ợc đặt đ- ới quyền của ban hội thẩm. Điều khoản tham chiếu và thủ tục làm việc cụ thể của các nhóm này do ban hội thẩm quyết định, và các nhóm này phải báo cáo lên ban hội thẩm.
2. Chỉ những ng- ời có vị trí chuyên môn và có kinh nghiệm trong lĩnh vực đang có tranh chấp mới đ- ợc tham gia vào các nhóm chuyên gia rà soát.
3. Công dân của các bên tranh chấp không đ- ợc làm việc trong bất cứ nhóm chuyên gia rà soát nào nếu không có thỏa thuận chung của các bên tranh chấp, trừ trong những tr- ờng hợp ngoại lệ khi ban hội thẩm cho rằng vì yêu cầu về trình độ chuyên môn khoa học chuyên sâu không thể làm khác đ- ợc. Quan chức chính phủ của các bên tranh chấp không đ- ợc làm việc trong các nhóm chuyên gia rà soát. Các thành viên của các nhóm chuyên gia rà soát làm việc trên t- cách cá nhân của họ và không phải là ng- ời đại diện cho chính phủ, cũng không phải là đại diện của tổ chức nào. Vì thế, Chính phủ hay những tổ chức không đ- ợc có những chỉ thị cho họ về những vấn đề đang đ- ợc nhóm chuyên gia rà soát xem xét.
4. Các nhóm chuyên gia rà soát có thể tham vấn và tìm kiếm thông tin và t- vấn kỹ thuật từ bất cứ nguồn nào họ cho là thích hợp. Tr- ớc khi một nhóm chuyên gia rà soát tìm kiếm những thông tin hoặc t- vấn nh- vậy từ một nguồn trong phạm vi thẩm quyền của một Thành viên, nhóm phải thông báo cho Chính phủ của Thành viên đó. Bất cứ Thành viên nào cũng phải trả lời nhanh chóng và đầy đủ bất kỳ yêu cầu nào của nhóm chuyên gia rà soát về những thông tin mà nhóm chuyên gia rà soát cho là cần thiết và thích hợp.
5. Các bên tranh chấp đ- ợc tiếp cận tất cả những thông tin có liên quan đ- ợc cung cấp cho nhóm chuyên gia rà soát, trừ khi thông tin có tính bảo mật. Những thông tin bảo mật đ- ợc cung cấp cho nhóm chuyên gia rà soát đó phải không đ- ợc công bố nếu không có sự cho phép chính thức của chính phủ, tổ chức hay ng- ời cung cấp thông tin. Nếu nhóm chuyên gia rà soát yêu cầu cung cấp những thông tin nh- vậy, nh- ng nhóm chuyên gia rà soát ch- a đ- ợc phép công bố những thông tin này, thì một bản tóm tắt không bí mật những thông tin này phải đ- ợc chính phủ, tổ chức hay cá nhân cung cấp những thông tin đó đ- a ra.
6. Nhóm chuyên gia rà soát phải đệ trình dự thảo báo cáo cho các bên tranh chấp để lấy ý kiến, và có tính đến các ý kiến đó, nếu thấy chúng thích hợp, trong bản báo cáo cuối cùng - bản báo cáo này phải đ- ợc gửi cho các bên tranh chấp khi nó đ- ợc

trình lên ban hội thẩm. Bản báo cáo cuối cùng này của nhóm chuyên gia rà soát chỉ có giá trị t- vấn.